

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22 – 9 – 2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lil

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Bạch Minh

Bà Hồ Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Kim Chúc, là Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm: 1992 (có mặt).

Địa chỉ: khu vực 2, phường Tr L, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang

2. Bị đơn: Anh Trương Minh B, sinh năm: 1983 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: khu vực 2, phường Tr L, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Trần Thị Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2010 chị Trần Thị Ngọc H và anh Trương Minh B tổ chức lễ cưới, đến ngày 15/6/2011 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tr L, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, hôn nhân do anh chị

cùng tự nguyện.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng anh chị rất hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây giữa chị H và anh B xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã đã hàn gắn nhiều lần nhưng không được. Nay chị H nhận thấy không còn tình cảm với anh B nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Minh B.

Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc H và anh Trương Minh B có 03 con chung, tên Trương Minh M (Giới tính: Nam), sinh ngày 28/10/2012; Trương Đăng Kh (Giới tính: Nam), sinh ngày 12/9/2014 và Trương Minh Đ (Giới tính: Nam), sinh ngày 24/8/2017, các cháu hiện đang sống với anh B. Sau khi ly hôn chị H đồng ý để anh B được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của bị đơn Trương Minh B trình bày: Anh B đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Ngọc H. Về con chung anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trương Minh M, cháu Trương Đăng Kh và cháu Trương Minh Đ, anh B không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có nên anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bận công việc làm ăn nên anh B có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh B trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến như sau: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H, cho chị Trần Thị Ngọc H được ly hôn với anh Trương Minh B. Về con chung giao cháu Trương Minh M, cháu Trương Đăng Kh và cháu Trương Minh Đ cho anh Trương Minh B tiếp tục nuôi dưỡng. Anh B chưa yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trương Minh B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Trương Minh B.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn”, căn cứ các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của chị Trần Thị Ngọc H tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định chị Trần Thị Ngọc H và anh Trương Minh B đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tr L, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang vào ngày 15/6/2011 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét nguyên nhân yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Ngọc H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng anh chị hạnh phúc và có con chung nhưng thời gian gần đây chị H và anh B xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không đạt được, anh chị đã hàn gắn nhiều lần nhưng không được. Tại phiên tòa, chị Trần Thị Ngọc H cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Trương Minh B. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh B là trầm trọng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì chị Trần Thị Ngọc H yêu cầu được ly hôn với anh Trương Minh B là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc H và anh Trương Minh B có 03 con chung, tên Trương Minh M (Giới tính: Nam), sinh ngày 28/10/2012; Trương Đăng Kh (Giới tính: Nam), sinh ngày 12/9/2014 và Trương Minh Đ (Giới tính: Nam), sinh ngày 24/8/2017, các cháu hiện đang sống với anh B. Tại bản tự khai của anh Trương Minh B thì sau khi ly hôn anh B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, cháu Kh và cháu Đ. Tại phiên tòa, chị Trần Thị Ngọc H đồng ý để anh B được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, cháu Kh và cháu Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị H và anh B ly thân cho đến nay anh B là người trực tiếp chăm sóc cho cháu M, cháu Kh và cháu Đ có cuộc sống chu đáo, chị H có chăm sóc nhưng không bằng anh B. Do đó, để đảm bảo sự phát triển và không làm xáo

trộn cuộc sống của cháu Trương Minh M, cháu Trương Đăng Kh và cháu Trương Minh Đ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Trương Minh M, cháu Trương Đăng Kh và cháu Trương Minh Đ cho anh Trương Minh B tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh B chưa yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Chị Trần Thị Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị Ngọc H phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; Điều 51; Điều 53, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc H được ly hôn với anh Trương Minh B.

2. Về con chung: Anh Trương Minh B được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trương Minh M (Giới tính: Nam), sinh ngày 28/10/2012, cháu Trương Đăng Kh (Giới tính: Nam), sinh ngày 12/9/2014 và cháu Trương Minh Đ (Giới tính: Nam), sinh ngày 24/8/2017.

Anh B chưa yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Chị Trần Thị Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Chị Trần Thị Ngọc H và anh Trương Minh B đều được thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được chuyển từ tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000497, ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn Trương Minh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công tại tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi bị đơn cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKS ND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Lil